SỞ Y TẾ BẮC GIANG **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72 /TM - BVĐKT	*Bắc Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2022*

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng dịch vụ.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH 13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có kế hoạch thực hiện gói thầu: Gói thầu in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu phạm vi cung cấp dịch vụ chi tiết tại Phụ lục 01.

Kính đề nghị các Công ty/ Đơn vị quan tâm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, có đủ kinh nghiệm, năng lực gửi bản Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 02 để Bệnh viện có căn cứ xây dựng dự toán của gói thầu.

Địa điểm tiếp nhận báo giá bản gốc: Phòng Hành chính quản trị- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang. Đường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

SĐT: 0204.3854.249 hoặc 0913.007.388.

Địa chỉ nhận bản điện tử: *hanhchinhbvdkbg@gmail.com*.

Thời hạn nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.

Trân trọng!

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, HCQT.	**GIÁM ĐỐC** SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC GIANG **Thân Trọng Hưng**

PHỤ LỤC 01:

(Kèm theo Thư mời số 72/TM-BVĐKT ngày 28/ 3/2022 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang)

Stt	Mã số	Tên vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật			Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			Kích cỡ	Số trang	Đặc tính			
1	1001	Sổ khám bệnh	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	100	
2	1002	Sổ trả bệnh án	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	60	
3	1008	Sổ công tác chỉ đạo tuyến	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	quyển	20	
4	1012	Sổ họp hội đồng và điều trị	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	quyển	20	
5	1021	Sổ tổng hợp thông tin chuyển người bệnh đi các tuyến	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	quyển	10	
6	1025	Bệnh án ngoại trú hô hấp	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	
7	1031	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	20.000	

8	1053	Bệnh án Trẻ em (Nhi khoa)	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	2.000	
9	1057	Giấy khám sức khoẻ	A3	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	1.500	
10	1069	Phiếu phẫu thuật thủy tinh thể	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	1.500	
11	1071	Phiếu phẫu thuật mộng	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	500	
12	1076	Phiếu theo dõi bệnh nhân lọc máu	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	60.000	
13	1079	Sổ lĩnh máu	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	100	
14	1080	Bảng theo dõi gây mê hồi sức	A3	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	20.000	
15	1090	Phiếu theo dõi chức năng sống	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	70.000	
16	1091	Phiếu chăm sóc (CI, CII,CIII)	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	120.000	
17	1094	Sổ thủ thuật	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	quyển	60	
18	1099	Phiếu chuẩn bị Bệnh nhân trước khi mổ của Điều	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	15.000	

		dưỡng						
19	1102	Phiếu bồi dưỡng phẫu thuật thủ thuật	A5	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	50.000	
20	1103	Phiếu khám bệnh vào viện	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	15.000	
21	1107	Phiếu theo dõi dịch truyền	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	80.000	
22	1109	Phiếu phẫu thuật thủ thuật	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	20.000	
23	1112	Phiếu công khai thủ thuật đông y	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	1.000	
24	1122	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa	A5	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	60	
25	1135	Đơn thuốc	A5	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	70.000	
26	1139	Giấy ra viện	A5	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	5.000	
27	1144	Sổ Theo dõi phản ứng có hại của thuốc ADR	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	10	
28	1145	Bệnh án ngoại trú HIV	A4	28 trang A4/quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	500	
29	1146	Giấy cam đoan Phẫu thuật - thủ thuật- hồi sức-gây mê	A5	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	20.000	

30	1148	Giấy hẹn khám lại	A5	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	15.000	
31	1151	Trích biên bản hội chẩn	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	5.000	
32	1152	Tờ điều trị	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Tờ	20.000	
33	1153	Túi phim (36 cm x 44 cm)	36 cm x 44 cm		Bìa cút sê định lượng 200g/m², in mầu 2 mặt	Chiếc	50.000	
34	1155	Sổ bàn giao xét nghiệm Huyết Học	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
35	1156	Túi phim (26 cm x 31 cm)	26 cm x 31 cm		Bìa cút sê định lượng 200g/m², in mầu 2 mặt	Chiếc	90.000	
36	1157	Túi đựng thuốc (10cmx 12cm)	10cmx 12cm		Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92.	Chiếc	100.000	
37	1162	Sổ lý lịch máy	A5	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng90÷92, bìa Cút sê định lượng 200g/m²	Quyển	1.000	
38	1164	Sổ bàn giao Xét nghiệm Hóa sinh	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
39	1168	Sổ đề nghị điều xe	A4	200 trang/ quyển, in 1 mặt.	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	10	
40	1169	Sổ bàn giao Xét nghiệm vi sinh	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	100	

41	1170	Sổ bàn giao chụp Xquang	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
42	1171	Sổ bàn giao Thăm dò chức năng	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
43	1172	Sổ biên bản hội chẩn	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	200	
44	1173	Sổ kiểm tra	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	50	
45	1174	Sổ kế hoạch công tác tháng	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
46	1175	Sổ ra - vào viện	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
47	1176	Sổ mời hội chẩn	A5	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	20	
48	1177	Sổ duyệt kế hoạch phẫu thuật	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	10	
49	1178	Sổ giao ban	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	120	
50	1179	Sổ thường trực	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	150	
51	1180	Sổ thuốc trực của điều	A4	200 trang/	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định	Quyển	40	

		dưỡng		quyển	lượng 250 g/m²			
52	1182	Sổ bàn giao người bệnh nặng	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	40	
53	1183	Sổ trả vỏ thuốc	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	40	
54	1187	Sổ bàn giao thuốc thường trực	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	60	
55	1188	Sổ bàn giao dụng cụ thường trực	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	60	
56	1190	Sổ đi buồng hàng ngày	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	200	
57	1195	Sổ tổng hợp y lệnh	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	40	
58	1200	Sổ theo dõi BHYT	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
59	1211	Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh	A5	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	20	
60	1216	Bệnh án Ngoại khoa	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	30.000	

61	1217	Bệnh án ngoại trú viêm gan	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Bộ	3.000	
62	1218	Bệnh án Bỏng	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	500	
63	1219	Bệnh án Mắt	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Bộ	1.500	
64	1220	Bệnh án Tai mũi họng	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	
65	1221	Bệnh án răng hàm mặt	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ	Tờ	1.000	

					5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án			
66	1225	Bệnh án Da liễu	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	
67	1227	BA VLTL (ngoại trú)	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Bộ	500	
68	1228	BA truyên nhiễm	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	6.000	
69	1229	BA Điều dưỡng và PHCN	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	250	

70	1231	BA Nội	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	35.000	
71	1235	BA Ngoại trú	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	15.000	
72	1027	Sổ chẩn đoán hình ảnh	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	80	
73	1257	Phiếu công khai dịch vụ khám chữa bệnh nội trú	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	70.000	
74		Sổ bàn giao hấp sấy tiệt trùng, dụng cụ phẫu thuật hàng ngày KSNK - Nhà mổ	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	6	
75		Sổ bàn giao hấp sấy tiệt trùng, dụng cụ phẫu thuật hàng ngày KSNK - Điều trị theo YC	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	3	
76		Sổ bàn giao đồ vải sau giặt - sấy khô hàng ngày KSNK -	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định	Quyển	11	

		Nhà giặt			lượng 250 g/m²			
77		Sổ giao nhận thu hồi vỏ thuốc	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	2	
78		Sổ giao nhận rác thải nguy hại	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	2	
79		Sổ giao nhận rác thải tái chế	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	2	
80		Sổ bàn giao dụng cụ hấp sấy tiệt trùng các khoa	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	8	
81		Sổ bàn giao trực máy hấp sấy - tiệt trùng hàng ngày	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	6	
82		Sổ giao nhận đồ vải và nhà giặt	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	4	
83		Bệnh án sơ sinh	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	1.000	
84		Bệnh án Phụ khoa	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y	Tờ	1.000	

					tế về mẫu hồ sơ bệnh án			
85		Bệnh án nội trú YHCT	A3	2 tờ đóng lồng/bộ	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Bộ	1.000	
86		Bệnh án RHM ngoại trú	A3	Ghim ruột	Bìa Toky định lượng 100g/m² hoặc Bìa Offset woodfcee định lượng 100g/m². In 2 mặt, in 1 màu. Ghim ruột bằng 2 ghim; 10 tờ ghim ruột kích cỡ 5cmx21cm. Nội dung mẫu in theo quy định của Bộ y tế về mẫu hồ sơ bệnh án	Tờ	300	
87		Bảng theo dõi ICU	A3	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	20.000	
88		Sổ theo dõi tiêm vacxin VGB cho trẻ sơ sinh	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	10	
89		Sổ bình hồ sơ bệnh án	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	10	
90		Sổ điện tim	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
91		Sổ nội soi	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	15	
92		Sổ khám bệnh (Dành cho người bệnh	A5	12 trang/	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Quyển	78.000	

		đến khám)		quyển				
93		Phiếu khám tiền mê	A4	In 1 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	20.000	
94		Sổ kiểm nhập thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	20	
95		Sổ kiểm nhập dược liệu, vị thuốc Y học cổ truyền	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	5	
96		Sổ theo dõi xuất - nhập thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc	A4	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	30	
97		Sổ theo dõi cập nhật thuốc	A3	200 trang/ quyển	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92, bìa Kraft định lượng 250 g/m²	Quyển	5	
98		Thẻ kho	A3	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	6.000	
99		Bảng tổng hợp cấp phát thuốc	A3	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	3.000	
100		Phiếu xác nhận tiêm phòng	A5	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	10.000	
101		Phiếu khám sàng lọc trước tiêm chủng	A4	In 2 mặt	Giấy mới 100%, định lượng 65g/m², độ trắng 90÷92	Tờ	10.000	

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ DỊCH VỤ

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-BVĐKT ngày / /2022)

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang

(Tên đơn vị): ..... Địa chỉ: ..... SĐT liên hệ:

Giấy đăng ký kinh doanh số: ....., được cấp bởi:. .....

Căn cứ vào thư mời báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bản báo giá dịch vụ in ấn biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang như sau:

STT	Mã số	Tên vật tư	Kích cỡ	Số trang	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Thời gian thực hiện Hợp đồng
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1										
2										
3										
....										
(n)		Thuế, phí, lệ phí (nếu có)								
	Tổng cộng giá trị của Dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)									
	Bằng chữ:									

Báo giá có hiệu lực:..... Ngày, kể từ ngày báo giá.

....., Ngày ..... tháng ..... năm ....

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)